UBND PHƯỜNG LÊ THANH NGHỊ
TRƯỜNG THCS TÂN BÌNH

ĐỀ CHÍNH THỨC 1

ĐỀ ĐÁNH GIÁ GIỮA HỌC KÌ I
NĂM HỌC 2026 - 2027
Môn: Toán, lớp: 6
Thời gian làm bài: 90 phút.
Đề bài gồm: 7 câu, 1 trang

Bài 1 (1.5 điểm)

a) Viết tập hợp A các số tự nhiên lớn hơn 5, nhỏ hơn 10 bằng cách liệt kê các phần tử.

b) Viết số 1476 thành tổng giá trị các chữ số của nó.

c) Viết kết quả các phép tính sau dưới dạng một lũy thừa: $5^3 \cdot 5^6$ và $4^7 : 4^4$.

Bài 2 (1,5 điểm)

a) Cho các số sau: 425; 342; 741; 320.

Hãy chỉ ra số nào chia hết cho 5, số nào chia hết cho 3.

b) Trong các 75; 17; 18; 23; số nào là số nguyên tố, số nào là hợp số?

c) Nêu đặc điểm về cạnh và góc của tam giác đều.

Câu 3 (2,0 điểm) Thực hiện phép tính (Tính nhanh nếu có thể)

a) 125 + 48: 6 b) 17 . 72 + 17. 28 + 326 c) $160 : \left\{17 + \left[3^2.5 - \left(14 + 2^{51} : 2^{48}\right)\right]\right\}$

Câu 4 (2,0 điểm) Tìm số tự nhiên x biết:

a) x – 12 = 8 b) $105 - 2x = 5^5 : 5^3$ c) $3.2^{x+1} = 24$

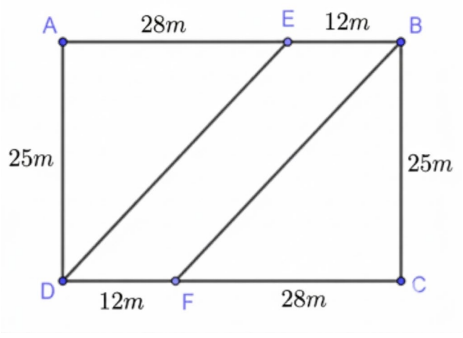
Câu 5 (1,0 điểm)

Một đội thanh niên tình nguyện gồm 42 nữ và 30 nam dự định chia thành các nhóm nhỏ sao cho số nam và số nữ ở mỗi nhóm đều nhau. Hỏi có thể chia được nhiều nhất bao nhiêu nhóm? Khi đó mỗi nhóm có bao nhiêu nam, bao nhiêu nữ?

Câu 6 (1,5 điểm) Một sân trường hình chữ nhật ABCD có chiều dài 40m, chiều rộng 25m. Nhà trường phân ra một khu vực hình bình hành EBFD (với E nằm trên AB, F nằm trên CD) để làm sân khấu hoạt động ngoài trời, phần diện tích còn lại để học sinh vui chơi. Biết đoạn EB = 12m.

a) Tính diện tích toàn bộ sân trường và tổng diện tích khu vực dành cho học sinh vui chơi.

b) Nhà trường thuê thợ lát gạch chuyên dụng cho khu vực sân khấu với chi phí vật tư và nhân công là 150.000 đồng/m². Tính tổng số tiền nhà trường phải trả để hoàn thiện sân khấu.



.\

Câu 7 (0,5 điểm).

Cho biểu thức $D = 5 + 5^2 + 5^3 + ... + 5^{199} + 5^{200}$. Tìm x biết 4D + 5 = 5^{x-3}

---------- Hết ----------

SBD: ..... Họ và tên thí sinh: .....

Giám thị 1: ..... Giám thị 2: .....

thuvientoanhoc.com

UBND PHƯỜNG LÊ THANH NGHỊ
TRƯỜNG THCS TÂN BÌNH

ĐỀ CHÍNH THỨC 1

HƯỚNG DẪN CHẤM
ĐỀ ĐÁNH GIÁ GIỮA HỌC KÌ I
NĂM HỌC 2026 - 2027
Môn: Toán, lớp: 6
Hướng dẫn chấm gồm: 3 trang

Câu	Ý	Đáp án	Điểm
1	a	$A = \{6;7;8;9\}$	0,5đ
	b	1476= 1.1000 + 4.100 + 7.10 + 6.1 = 1000 + 400 + 70 + 6	0,5đ
	c	$5^3 \cdot 5^6 = 5^{3+6} = 5^9$	0,25đ
		$4^7 : 4^4 = 4^{7-4} = 4^3$	0,25đ
2	a	Các số chia hết cho 5 là: 425; 320 Các số chia hết cho 3 là: 741; 342	0,25đ 0,25đ
	b	Các số nguyên tố là: 17; 23 Hợp số là: 75; 18	0,25đ 0,25đ
	c	Tam giác đều có: - 3 cạnh bằng nhau - 3 góc bằng nhau và bằng 60 độ	 0,25đ 0,25đ
\3	a	125 + 48: 6 = 125 + 8	0,25đ
		= 133	0,25đ
	b	17 . 72 + 17. 28 + 326 = 17. (72 + 28) + 326 = 17. 100 + 326	 0,25đ 0,25đ
		= 1700 + 326 = 2026	0,25đ
	c	$160 : \{17 + [3^2.5 - (14 + 2^{51} : 2^{48})]\}$ $= 160 : \{17 + [9.5 - (14 + 2^3)]\}$ $= 160 : \{17 + [45 - (14 + 8)]\}$	 0,25đ
		$= 160 : \{17 + [45 - 22]\}$ $= 160 : \{17 + 23\}$ $= 160 : 40$ $= 4$	 0,25đ 0,25đ
	a	x – 12 = 8 x = 8 +12 x = 20 $\in$ N Vậy x= 20	 0,25đ 0,25đ

thuvientoanhoc.com

4	b	$105 - 2x = 5^5 : 5^3$ $105 - 2x = 5^2$ $105 - 2x = 25$	0,25đ
		$2x = 105 - 25$ $2x = 80$	0,25đ
		$x = 80 : 2$ $x = 40$ Vậy x = 40	0,25đ
	c	$3.\ 2^{x+1} = 24$ $2^{x+1} = 24 : 3$ $2^{x+1} = 8$	0,25đ
		$2^{x+1} = 2^3$ $x + 1 = 3$	0,25đ
		$x = 3 - 1$ $x = 2 \in N$ Vậy x = 2	0,25đ
5		Gọi số nhóm nhiều nhất có thể chia được là x ($x \in N^*, x < 30$). Theo đề bài, ta có: 42 ⋮ x, 30 ⋮ x và x lớn nhất $\Rightarrow$ x = ƯCLN(42; 30)	0,25đ
		Ta có: 42= 2.3.7 ; 30 = 2.3.5	0,25đ
		x = ƯCLN(42;30) = 2.3 = 6 (thỏa mãn) Vậy có thể chia lớp nhiều nhất thành 6 nhóm.	0,25đ
		Số nữ ở mỗi nhóm là: 42:6 =7 (nữ) Số nam ở mỗi nhóm là: 30 : 6 =5 (nam)	0,25đ
6	**a**	Diện tích toàn bộ sân trường hình chữ nhật ABCD là: 40.25= 1000(m^2)	0,5đ
		Diện tích khu vực sân khấu là : 12.25 = 300(m^2)	0,25đ
		Tổng diện tích khu vực dành cho học sinh vui chơi là: 1000 -300=700(m^2)	0,25đ
	b	Tổng số tiền nhà trường phải chi trả để lát gạch khu vực sân khấu là: 300.150000 = 45 000 000(đồng)	0,5đ
7	**a**	Ta có : $D = 5 + 5^2 + 5^3 + ... + 5^{199} + 5^{200}$ $5D = 5^2 + 5^3 + 5^4 + ... + 5^{200} + 5^{201}$ $5D - D = (5^2 + 5^3 + 5^4 + ... + 5^{200} + 5^{201}) - (5 + 5^2 + 5^3 + ... + 5^{199} + 5^{200})$ $4D = 5^{201} - 5$ $4D + 5 = 5^{201}$	0,25đ

thuvientoanhoc.com

		Để $4D + 5 = 5^{x-3}$ thì $5^{201} = 5^{x-3}$ Suy ra: x - 3 = 201 x = 201 +3 x = 204 Vậy x = 204	0,25 đ

Chú ý: Trong quá trình làm bài, nếu học sinh làm bằng cách khác mà phù hợp với chuẩn kiến thức, kĩ năng vẫn cho điểm tối đa

GV tổ hợp đề

Trịnh Thị Thùy Linh

thuvientoanhoc.com

UBND PHƯỜNG LÊ THANH NGHỊ
TRƯỜNG THCS TÂN BÌNH

ĐỀ CHÍNH THỨC 2

ĐỀ ĐÁNH GIÁ GIỮA HỌC KÌ I
NĂM HỌC 2026 – 2027
Môn: Toán, lớp: 6
Thời gian làm bài: 90 phút.
Đề bài gồm: 7 câu, 1 trang

Câu 1 (1,5 điểm)

a) Viết tập hợp C các số tự nhiên lẻ lớn hơn 10, nhỏ hơn 19 bằng cách liệt kê các phần tử.

b) Viết số 2378 thành tổng giá trị các chữ số của nó.

c) Viết kết quả các phép tính sau dưới dạng một lũy thừa: $3^4 \cdot 3^5$ và $7^8 : 7^6$.

Câu 2 (1,5 điểm)

a) Cho các số sau: 235; 224; 543; 120.

Hãy chỉ ra số nào chia hết cho 2, số nào chia hết cho 3.

b) Trong các 52; 19; 21; 37; số nào là số nguyên tố, số nào là hợp số?

c) Nêu đặc điểm về cạnh và góc của tam giác đều.

Câu 3. (2,0 điểm). Thực hiện phép tính (Tính hợp lí nếu có thể):

a) $73 + 45 : 5$ b) $21.72 + 28.21 - 74$ c) $\left[5^2.6 - 20\left(37 - 2^5\right)\right] : 10 - 10^0$

Câu 4 (2,0 điểm) Tìm số tự nhiên x biết:

a) $x - 15 = 24$ b) $70 - 5x = 3^2.5$ c) $3.2^{x+1} = 24$

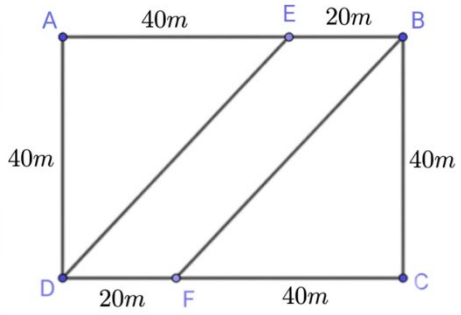
Câu 5 (1,0 điểm):

Để chuẩn bị phần thưởng cuối kỳ cho lớp 6C, giáo viên chủ nhiệm có 36 quyển vở và 60 chiếc bút bi. Cô muốn chia số vở và bút này thành các phần thưởng đều nhau. Hỏi có thể chia được nhiều nhất bao nhiêu phần thưởng? Khi đó mỗi phần thưởng có bao nhiêu quyển vở và bao nhiêu bút bi?

Câu 6(1,5 điểm) Một khuôn viên hình chữ nhật ABCD có chiều dài 60m và chiều rộng 40m. Ban quản lý dự án thiết kế một hồ nước cảnh quan có dạng hình bình hành EBFD, phần diện tích còn lại trong khuôn viên được dùng để trải thảm cỏ tự nhiên. Biết đoạn EB = 20m.

a) Tính diện tích tổng thể của khuôn viên và diện tích phần đất được trải thảm cỏ.

b) Chi phí thi công chống thấm và xây dựng hồ nước cảnh quan được tính là 450.000 đồng/m². Tính tổng số tiền cần chi trả để hoàn thiện thi công hồ nước này.



Câu 7 (0,5 điểm) Cho biểu thức: $C = 4 + 4^2 + 4^3 + ... + 4^{99} + 4^{100}$. Tìm x để $3C + 4 = 4^{x+2}$

---------- Hết ----------

SBD: ..... Họ và tên thí sinh: .....

Giám thị 1: ..... Giám thị 2: .....

thuvientoanhoc.com

UBND PHƯỜNG LÊ THANH NGHỊ
TRƯỜNG THCS TÂN BÌNH

ĐỀ CHÍNH THỨC 2

HƯỚNG DẪN CHẤM
ĐỀ ĐÁNH GIÁ GIỮA HỌC KÌ I
NĂM HỌC 2026 – 2027
Môn: Toán, lớp: 6
Hướng dẫn chấm gồm: 2 trang

Câu	Ý	Đáp án	Điểm
1	a	$C = \{11;13;15;17\}$	0,5đ
	b	2378= 2.1000 + 3.100 + 7.10 + 8.1 = 2000 + 300 + 70 + 8	0,5đ
	c	$3^4 \cdot 3^5 = 3^{4+5} = 3^9$	0,25đ
		$7^8 : 7^6 = 7^{8-6} = 7^2$	0,25đ
2	a	Các số chia hết cho 2 là: 224; 120 Các số chia hết cho 3 là: 543; 120	0,25đ 0,25đ
	b	Các số nguyên tố là: 19; 37 Hợp số là: 52; 21	0,25đ 0,25đ
	c	Tam giác đều có: - 3 cạnh bằng nhau - 3 góc bằng nhau và bằng 60 độ	 0,25đ 0,25đ
3	a	$73 + 45 : 5 = 73 + 9$ $= 82$	0,25đ 0,25đ
	b	$21.72 + 28.21 - 74$ $= 21.(72 + 28) - 74$ $= 21.100 - 74$ $= 2100 - 74 = 2026$	 0,25đ 0,25đ 0,25đ
	c	$\left[5^2.6 - 20.(37 - 2^5)\right] : 10 - 10^0$ $= [25.6 - 20(37 - 32)] : 10 - 1$ $= [150 - 20.5] : 10 - 1$	 0,25đ
		$= [150 - 100] : 10 - 1$ $= 50 : 10 - 1$ $= 5 - 1 = 4$	 0,25đ 0,25đ
4	a	$x - 15 = 24$ $x = 24 + 15$ $x = 39$ Vậy $x = 39$	 0,25đ 0,25đ
	b	$70 - 5x = 3^2.5$ $70 - 5x = 9.5$ $70 - 5x = 45$	 0,25đ

thuvientoanhoc.com

		$5x = 70 - 45$ $5x = 25$	0,25đ
		$x = 25 : 5$ $x = 5.$ Vậy $x = 5$	0,25đ
	c	$3.2^{x+1} = 24$ $2^{x+1} = 24 : 3$ $2^{x+1} = 8$	0,25đ
		$2^{x+1} = 2^3$ $x + 1 = 3$	0,25đ
		$x = 3 - 1$ $x = 2$ Vậy $x = 2$	0,25đ
5		Gọi số phần thưởng nhiều nhất có thể chia được là x ($x \in N^*$, $x < 36$) Theo đề bài, ta có: $36 \vdots x$, $60 \vdots x$ và x lớn nhất $\Rightarrow$ x = ƯCLN(36; 60)	0,25đ
		Ta có $36 = 2^2.3^2$; $60 = 2^2.3.5$	0,25đ
		x = ƯCLN(36; 60) = $2^2.3 = 12$ Vậy có thể chia được nhiều nhất thành 12 phần thưởng	0,25đ
		Trong mỗi phần thưởng có: Số quyển vở: $36 : 12 = 3$ (quyển) Số chiếc bút bi: $60 : 12 = 5$ (chiếc)	0,25đ
6	a	Diện tích tổng thể của khuôn viên hình chữ nhật là: $40.60 = 2400 (m^2)$	0,5đ
	b	Diện tích hồ nước cảnh quan (hình bình hành EBFD) là: $40.20 = 800 (m^2)$ Diện tích phần đất được trải thảm cỏ là: $2400 - 800 = 1600 (m^2)$	0,25đ 0,25đ
	c	Tổng số tiền cần chi trả để thi công hồ nước là: 800.450 000 = 360 000 000 (đồng)	0,5đ
7		Ta có: $C = 4 + 4^2 + 4^3 + ... + 4^{99} + 4^{100}$ $4C = 4^2 + 4^3 + 4^4 + ... + 4^{100} + 4^{101}$ $4C - C = (4^2 + 4^3 + 4^4 + ... + 4^{100} + 4^{101}) - (4 + 4^2 + 4^3 + ... + 4^{99} + 4^{100})$	

thuvientoanhoc.com

		$3C = 4^{101} - 4$ $3C + 4 = 4^{101}$	0,25đ
		Để 3C + 4 = 4^{x+2} thì: $4^{101} = 4^{x+2}$ Suy ra: x + 2 = 101 x = 101 – 2 x = 99 Vậy x = 99	0,25đ

Chú ý: Trong quá trình làm bài**,** nếu học sinh làm bằng cách khác mà phù hợp với chuẩn kiến thức, kĩ năng vẫn cho điểm tối đa.

---------- Hết ----------

GV tổ hợp đề

Trịnh Thị Thùy Linh

thuvientoanhoc.com

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I

MÔN: TOÁN LỚP 6

Hình thức: 100% Tự luận - Thời gian: 90 phút

STT	Chủ đề/Mạch kiến thức	Nhận biết (TL)	Thông hiểu (TL)	Vận dụng (TL)	Vận dụng cao (TL)	Tổng số câu	Tổng điểm	Tỉ lệ %
1	**Chủ đề 1: Tập hợp. Phép tính với số tự nhiên** (Cộng, trừ, nhân, chia, lũy thừa, thứ tự thực hiện phép tính)	C1a: Tính nhanh (1.0đ) C2a: Tìm x đơn giản (1.0đ)	C1b: Tính hợp lý (0.75đ) C2b: Tìm x (0.75đ)	C1c: Thực hiện phép tính phức hợp (0.75đ) C2c: Tìm x có chứa lũy thừa (0.75đ)	C5: Tính tổng dãy số quy luật có chứa lũy thừa (0.5đ)	7	5.5	55%

thuvientoanhoc.com

STT	Chủ đề/Mạch kiến thức	Nhận biết (TL)	Thông hiểu (TL)	Vận dụng (TL)	Vận dụng cao (TL)	Tổng số câu	Tổng điểm	Tỉ lệ %
2	**Chủ đề 2: Tính chất chia hết. Ước và Bội** (UCLN, BCNN, bài toán thực tế)		C2d: Liệt kê phần tử tập hợp thỏa mãn điều kiện ước (0.5đ) C3.1: Điền chữ số thỏa mãn điều kiện chia hết cho 2,3,5,9 (0.5đ)	C3.2: Giải toán thực tế tìm ước chung lớn nhất (1.0đ)		3	2.0	20%

thuvientoanhoc.com

STT	Chủ đề/Mạch kiến thức	Nhận biết (TL)	Thông hiểu (TL)	Vận dụng (TL)	Vận dụng cao (TL)	Tổng số câu	Tổng điểm	Tỉ lệ %
3	**Chủ đề 3: Hình học trực quan** (Hình chữ nhật, hình bình hành, chu vi và diện tích, bài toán thực tế)	C4a (ý 1): Tính diện tích HCN - HV(1.0đ)	C4a (ý 2): Tính chu vi (diện tích) một số hình đã học (0.5đ)	C4b: Bài toán thực tế về tính chi phí …(1.0đ)		3	2.5	25%
	Tổng	**3 câu** **3.0đ**	**5 câu** **3.0đ**	**4 câu** **3.5đ**	**1 câu** **0.5đ**	**13**	**10.0đ**	**100%**

thuvientoanhoc.com

STT	Chủ đề/Mạch kiến thức	Nhận biết (TL)	Thông hiểu (TL)	Vận dụng (TL)	Vận dụng cao (TL)	Tổng số câu	Tổng điểm	Tỉ lệ %
		30%	**30%**	**35%**	**5%**			

thuvientoanhoc.com